

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2026/HS-ST
Ngày 23 - 7 - 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Sơn, ông Lâm Quang Huy và ông Vũ Văn Tu.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Hoà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 135/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Thị Thu H, sinh năm 1994 tại Ninh Bình; số Căn cước công dân: 037194000279; nơi cư trú: Tổ A, phường P, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Trần Thị C; có chồng Nguyễn Thành Đ và 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27 tháng 11 năm 2023 bị Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình) xử phạt 20 năm tù về tội “Tham ô tài sản” và ngày 16 tháng 5 năm 2025 bị Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình) xử phạt 14 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt của hai bản án là 30 năm tù. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam N3, tỉnh Ninh Bình và bị trích xuất đến Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh N từ ngày 16 tháng 01 năm 2026 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu H: Ông Lưu Xuân D - Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh N; có mặt.

- Người bị hại:

+ Anh Dương Văn T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố A L, phường L, tỉnh Ninh Bình; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Đào Thị Hồng A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn C, xã C, tỉnh Hưng Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên trong thời gian tháng 8 năm 2024, Trần Thị Thu H đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Dương Văn T và chị Đào Thị Hồng A. H rủ anh T và chị Hồng A tham gia góp vốn cùng H kinh doanh bánh trung thu từ các đại lý về bán lại cho các Công ty tại khu Công nghiệp tại phường C, tỉnh Ninh Bình và các Công ty tại khu Công nghiệp Đ thuộc địa bàn phường L, tỉnh Ninh Bình để kiếm lời. H thống nhất với anh T và chị Hồng A cách kinh doanh bánh trung thu như sau: H là người chịu trách nhiệm trực tiếp tìm các đầu mối nhập và bán sản phẩm bánh trung thu, anh T và chị Hồng A chuẩn bị tiền góp vốn với H. Sau đó, H trực tiếp liên hệ qua điện thoại với các điểm bán sản phẩm để nhập hàng; cung cấp địa chỉ của những người mua hàng cho các điểm bán để bên bán vận chuyển giao sản phẩm cho người mua. Khi nhận được tiền của anh T và chị Hồng A, H có trách nhiệm thanh toán cho các đầu mối cung cấp bánh trung thu để giao cho lái xe nhận hàng, vận chuyển bánh trung thu đến những điểm mua hàng rồi nhận hóa đơn thanh toán. Mỗi lần nhập bánh trung thu, H chỉ thông báo cho anh T và chị Hồng A về giá sản phẩm thông qua kế toán nên anh T, chị Hồng A không phải trực tiếp đi giao, nhận hàng.

Tin tưởng thông tin H đưa ra là thật nên anh T và chị Hồng A chuyển tiền góp vốn cùng H. Sau khi nhận được tiền của anh T và chị Hồng A; H chuyển lại một phần tiền nói là tiền gốc và tiền lợi nhuận phát sinh từ việc góp vốn kinh doanh bánh trung thu để anh T và chị Hồng A tin tưởng tiếp tục góp vốn để H chiếm đoạt.

Đối với anh Dương Văn T: H nói với anh T nhập bánh trung thu từ Công ty giao hàng Tâm Đức P có địa chỉ tại tầng D, tòa nhà H, phố D, phường C, Thành phố Hà Nội về bán (thực tế H không nhập sản phẩm của Công ty T6). Để anh T tin tưởng hơn, H đã sử dụng ảnh chụp Căn cước công dân mang thông tin của chị Trần Thị T1, sinh năm 1981, trú tại tổ A phường P, tỉnh Ninh Bình để tự tạo lập tài khoản Facebook có tên “Ánh Tuyết D1” nhắn tin, trao đổi liên lạc với anh T về việc kinh doanh bánh trung thu, H thỏa thuận bằng miệng với anh T, khi nào bán hết các sản phẩm và thu hồi tiền vốn, tiền lãi thì mới nhập các sản phẩm tiếp theo về bán. Sau các lần anh T chuyển tiền, H tự soạn thảo các hóa đơn có ghi nội dung mua bán sản phẩm về số lượng, giá cả, số tiền theo mẫu hóa đơn của công ty T6; sau đó in chụp gửi cho anh T để anh T theo dõi tiền thu, chi và H cung cấp cho anh T số tài khoản để anh T chuyển tiền gồm: Số tài khoản 19072955111011 mang tên Trần Thị Thu H mở tại Ngân hàng T7; số tài khoản 99999999999197 mang tên Lê Quyết T2 mở tại Ngân hàng T7; số tài khoản

18024051 mang tên Phạm Viết H1 mở tại Ngân hàng A1; số tài khoản 0111585268 mang tên Nguyễn Thanh V mở tại Ngân hàng Đ2 (H nói là số tài khoản của kế toán kho hàng).

Do tin tưởng H thực hiện việc kinh doanh sản phẩm bánh trung thu về bán để kiếm thêm thu nhập nên trong thời gian từ ngày 02/9/2024 đến ngày 01/10/2024, theo yêu cầu của H, anh T sử dụng tài khoản Ngân hàng số 1023438645 và 0031011994 đều mang tên Dương Văn T, mở tại Ngân hàng S chuyển cho H nhiều lần tiền với tổng số tiền 1.333.040.000 đồng, cụ thể:

Từ ngày 03/9/2024 đến ngày 22/9/2024, anh T chuyển 18 lần; với tổng số tiền 936.150.000 đồng đến số tài khoản 19072955111011 mang tên Trần Thị Thu H, trong đó lần ít nhất 16.000.000 đồng, lần nhiều nhất 120.250.000 đồng.

Từ ngày 30/9/2024 đến ngày 1/10/2024, anh T chuyển 05 lần; với tổng số tiền 261.390.000 đồng đến số tài khoản 9999999999197 mang tên Lê Quyết T2, trong đó lần ít nhất 5.640.000 đồng, lần nhiều nhất 150.000.000 đồng.

Ngày 01/10/2024, anh T chuyển số tiền 61.500.000 đồng đến số tài khoản 18024051 mang tên Phạm Viết H1; ngày 1/10/2024, anh T chuyển số tiền 74.000.000 đồng đến số tài khoản 0111585268 mang tên Nguyễn Thanh V.

Sau khi nhận tiền của anh T, H chuyển lại cho anh T một phần tiền để anh T tin tưởng là tiền gốc và lãi từ việc kinh doanh; với tổng số tiền 506.400.000 đồng, cụ thể: Từ ngày 06/9/2024 đến ngày 17/9/2024, H sử dụng số tài khoản 19072955111011 mang tên Trần Thị Thu H mở tại Ngân hàng T7 chuyển 07 lần tiền; với tổng số tiền 456.400.000 đồng và đưa tiền mặt cho anh T số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền gốc góp vốn còn lại là 826.640.000 đồng đến nay H không thanh toán trả cho anh T.

Đối với chị Đào Thị Hồng A: Từ tháng 8 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024, theo yêu cầu của H và số tài khoản H cung cấp, chị Hồng A sử dụng số tài khoản 16086010039666 có liên kết với số tài khoản 0986363506 mang tên Đào Thị Hồng A, mở tại Ngân hàng M1 chuyển tiền góp vốn kinh doanh bánh trung thu cho H. Để chị Hồng A tin tưởng việc kinh doanh bánh trung thu là thật, H đưa ra thông tin về việc anh Dương Văn T là người bên cung cấp sản phẩm bánh trung thu và cung cấp thông tin, tài khoản facebook của anh T để chị Hồng A liên lạc trực tiếp đặt mua bánh trung thu. Tổng số tiền chị Hồng A đã chuyển cho H là 678.142.000 đồng, cụ thể như sau:

Từ ngày 03/9/2024 đến ngày 22/9/2024, chị Hồng A chuyển 26 lần với tổng số tiền 637.952.000 đồng đến số tài khoản 19072955111011 mang tên Trần Thị Thu H, trong đó lần ít nhất là 500.000 đồng, lần nhiều nhất là 85.500.000 đồng. Ngày 06/9/2024, chị Hồng A chuyển số tiền 300.000 đồng đến số tài khoản 9999999999197 mang tên Lê Quyết T2. Ngày 15/9/2024, chị Hồng A chuyển số tiền 40.000.000 đồng đến số tài khoản 0031011994 mang tên Dương Văn T, mở tại Ngân hàng S1. Sau khi nhận số tiền này, anh T đã chuyển lại cho H đến số tài khoản 19072955111011 mang tên Trần Thị Thu H.

Sau khi nhận tiền của chị Hồng A, H chuyển lại cho chị Hồng A một phần tiền để chị Hồng A tin tưởng là tiền gốc và lãi từ việc kinh doanh, cụ thể: Từ ngày 22/8/2024 đến ngày 07/10/2024, H sử dụng số tài khoản 19072955111011 mang tên Trần Thị Thu H mở tại Ngân hàng T7 chuyển 13 lần tiền; với tổng số tiền 604.300.000 đồng. Số tiền gốc góp vốn còn lại là 73.542.000 đồng đến nay H không thanh toán trả cho chị Hồng A.

Sau nhiều lần anh T, chị Hồng A yêu cầu H thanh toán trả số tiền còn lại đã góp vốn, H đều đưa ra lý do đã thanh toán chuyển cho Công ty, Kế toán của những nơi nhập hàng và những điểm mua sản phẩm nhưng chưa thanh toán trả, anh T, chị Hồng A nghi ngờ H lừa đảo chiếm đoạt số tiền góp vốn còn lại nên yêu cầu H cung cấp danh sách, thông tin địa chỉ, số điện thoại của những nơi cung cấp sản phẩm và những điểm mua sản phẩm đang nợ tiền thì H cung cấp những địa chỉ không có thật, số điện thoại liên lạc không đúng nên anh T, chị Hồng A đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt của Trần Thị Thu H gửi đến cơ quan Công an tỉnh N.

Quá trình điều tra, anh Dương Văn T giao nộp 01 tập sao kê số tài khoản 1023438645, mang tên Dương Văn T, mở tại Ngân hàng TMCP S (S1); 01 tập sao kê số tài khoản 0031011994, mang tên Dương Văn T, mở tại Ngân hàng TMCP S (S1); 01 tập phô tô thể hiện nội dung tin nhắn giữa Dương Văn T và Trần Thị Thu H trong quá trình góp vốn mua, bán bánh trung thu. Chị Đào Thị Hồng A giao nộp 01 tập sao kê số tài khoản 0986363506, liên kết với tài khoản 16086010039666, mang tên Đào Thị Hồng A, mở tại Ngân hàng TMCP H2 (M1); 01 tập phô tô thể hiện nội dung tin nhắn giữa Đào Thị Hồng A và Trần Thị Thu H trong quá trình góp vốn mua, bán bánh trung thu và Trần Thị Thu H chỉ đạo Hồng A nhắn tin với Dương Văn T để liên hệ mua bánh trung thu.

Tại Bản Kết luận giám định số 31/KLGD ngày 08/5/2026 của V1 kết luận: *“Ngay trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị can Trần Thị Thu H có bệnh: Phản ứng trầm cảm kéo dài giai đoạn thuyên giảm, theo phân loại quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là: F43.21. Tại các thời điểm trên, bị can đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Tại thời điểm giám định, bị can Trần Thị Thu H không bị bệnh tâm thần, bị can đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi”*.

Kết quả điều tra đối với các công ty H3 đưa ra thông tin nhập và bán bánh trung thu:

Đại diện Công ty Cổ phần T6, địa chỉ tại tầng D, tòa nhà H, phố D, phường C, Thành phố Hà Nội là Công ty sản xuất vỏ bao bì bánh trung thu chứ không sản xuất, mua bán bánh Trung thu; Công ty không bán hàng hay xuất hoá đơn hàng cho khách hàng có tên Trần Thị T1 và Trần Thị Thu H; Công ty không có lái xe nào tên Nguyễn Tiến Đ1 và tên L, không có kế toán nào tên Thành N và Công ty không sử dụng số tài khoản 5368888 mở tại Ngân hàng V2.

Đại diện Công ty TNHH T8; Công ty C1 có địa chỉ tại khu Công nghiệp C, phường C, tỉnh Ninh Bình; Công ty C2 có địa chỉ tại tổ I, phường P, tỉnh Ninh

Bình; Công ty A2 có địa chỉ tại khu Công nghiệp Đ, thuộc phường L, tỉnh Ninh Bình xác định: Trong thời gian tháng 8 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024, Công ty không mua, bán bánh Trung thu với những người có tên Trần Thị Thu H, Dương Văn T và Trần Thị Tuyết .

Đối với các tài khoản Ngân hàng: Tài khoản số 19072955111011 mang tên Trần Thị Thu H mở tại Ngân hàng TMCP K (T7) có thể hiện việc giao dịch nhận, chuyển tiền với anh Dương Văn T, chị Đào Thị Hồng A; với nội dung “Chuyển tiền mua bánh trung thu cùng H”. Tài khoản số 99999999999197 mang tên Lê Quyết T2, sinh năm 1997, trú tại thôn C B, xã B, tỉnh Ninh Bình. Anh Lê Quyết T2 xác định: Do có mối quan hệ quen biết, nên trong thời gian tháng 8 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024, Trần Thị Thu H có nhờ anh T2 sử dụng số tài khoản 99999999999197 mang tên Lê Quyết T2 để nhận, chuyển tiền mua bánh trung thu và khi anh T2 nhận được tiền do người khác chuyển cho H, anh T2 đã chuyển toàn bộ số tiền đã nhận sang tài khoản 19072955111011 mang tên Trần Thị Thu H và đến những tài khoản khác do H cung cấp. Bản thân anh T2 không được hưởng lợi từ việc nhận, chuyển tiền hộ H và không làm kế toán cho bất cứ Công ty sản xuất, mua bán bánh Trung thu nào, không có mối quan hệ chung vốn kinh doanh với Trần Thị Thu H và Dương Văn T.

Số tài khoản 18024051 mang tên Phạm Viết H1, sinh năm 2003, trú tại thôn L, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Anh H1 xác định không sử dụng số tài khoản 18024051 mang tên Phạm Viết H1, mở tại Ngân hàng TMCP A (A1); không nhận được khoản tiền từ tài khoản 0031011994 mang tên Dương Văn T mở tại Ngân hàng S; không làm kế toán cho Công ty M2, bán bánh Trung thu và không có mối quan hệ quen biết với Trần Thị Thu H và Dương Văn T.

Số tài khoản 0111585268 mang tên Nguyễn Thanh V, sinh năm 1961, trú tại 2 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Anh Nguyễn V xác định không sử dụng số tài khoản 0111585268 mang tên Nguyễn Thanh V, mở tại Ngân hàng TNHH Một thành viên S2; không nhận được khoản tiền từ tài khoản 1023438645 mang tên Dương Văn T mở tại Ngân hàng S; không làm kế toán cho Công ty mua, bán bánh trung thu và không có mối quan hệ quen biết với Trần Thị Thu H và Dương Văn T.

Số tài khoản 3334418888 mang tên Nguyễn Thị T3, sinh năm 1996, trú tại số nhà A, ngõ A, đường T, phường P, tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị T3 xác định ngày 15/9/2024, chị T3 có sử dụng số tài khoản 3334418888 mang tên Nguyễn Thị T3, mở tại Ngân hàng N4 (V3) để nhận số tiền 10.000.000 đồng là tiền do H trả nợ trước đó, chị T3 góp vốn cùng H để đầu tư bất động sản. Bản thân chị T3 không có mối quan hệ quen biết với người nào tên Dương Văn T, không kinh doanh mua bán bánh trung thu với Trần Thị Thu H.

Số tài khoản 8813157480 mang tên Nguyễn Thành L1, sinh ngày 06/10/1999, trú tại khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai. Kết quả điều tra xác định, Nguyễn Thành L1 không có mặt tại gia đình và địa phương, không biết L1 đi đâu, làm công việc gì.

Số tài khoản 40507097 mở tại Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh Thành phố H, mang tên Lê Thị T4, sinh ngày 01/01/1998, trú tại Ấp P, xã T, tỉnh An Giang; số tài khoản 0620520549652 mở tại Ngân hàng TMCP Q (M3), mang tên Tống Thị T5, sinh năm 1985, trú tại tổ E T, xã T, tỉnh An Giang; số tài khoản 07770876593538 mở tại Ngân hàng TMCP Q (M3), mang tên Phạm Đức N1, sinh năm 2000, trú tại tổ E T, xã T, tỉnh An Giang; số tài khoản 03231445804688 mở tại Ngân hàng TMCP Q (M3), mang tên Tống Văn B, sinh năm 1997, trú tại tổ E T, xã T, tỉnh An Giang. Kết quả điều tra xác định những người này không sử dụng số tài khoản trên; trong thời gian tháng 8 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024, đều không nhận được khoản tiền nào từ tài khoản 19072955111011 mang tên Trần Thị Thu H; không làm kế toán cho Công ty M2, bán bánh trung thu nào và không có mối quan hệ quen biết với Trần Thị Thu H và Dương Văn T.

Số tài khoản 0111279230 mở tại Ngân hàng TMCP Đ2 (D2 nay là Ngân hàng TNHH MTV S2), mang tên Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1988, trú tại A T, phường V, thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Hoàng N2 xác định không sử dụng số tài khoản trên; không nhận được khoản tiền nào từ tài khoản 19072955111011 mang tên Trần Thị Thu H; không làm kế toán cho Công ty M2, bán bánh trung thu nào và không có mối quan hệ quen biết với Trần Thị Thu H và Dương Văn T.

Số tài khoản 42135357 mở tại Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh Thành phố H, mang tên Bùi Xuân Hoàng P1, sinh năm 2000, trú tại Khu phố C, phường H, tỉnh Lâm Đồng. Kết quả điều tra xác định Bùi Xuân Hoàng P1 hiện không có mặt tại gia đình và địa phương, không biết P1 đi đâu, làm công việc gì.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Dương Văn T yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 826.640.000 đồng; chị Đào Thị Hồng A yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 73.542.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 88/CT-VKSNBH ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Trần Thị Thu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 48; Điều 38 và khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 584; Điều 585 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H từ 13 năm tù đến 14 năm tù; tổng hợp hình phạt 30 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

(nay là tỉnh Ninh Bình), buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai bản án là 30 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Thị Thu H. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải trả lại cho anh Dương Văn T toàn bộ số tiền 826.640.000 đồng và trả cho chị Đào Thị Hồng A toàn bộ số tiền 73.542.000 đồng. Án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Quan điểm tranh luận của người bào chữa cho bị cáo nhất trí về tội danh và các điều luật áp dụng; tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo nhất trí với quan điểm của người bào chữa và không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng; tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát đều đề nghị tiếp tục xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tội danh, tính chất mức độ phạm tội

[2.1] Về tội danh, tại phiên tòa bị cáo khai nhận các tình tiết ghi trong Cáo trạng đúng với diễn biến của vụ án, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng mối quan hệ quen biết và với mục đích chiếm đoạt tiền của anh Dương Văn T, chị Đào Thị Hồng A thông qua hình thức góp vốn kinh doanh bánh trung thu để kiếm lời, Trần Thị Thu H đã đưa ra các thông tin không có thật về việc H nhập bánh trung thu từ Công ty giao hàng Tâm Đức P về bán lại cho các Công ty tại khu Công nghiệp thuộc phường C, tỉnh Ninh Bình và các Công ty tại khu Công nghiệp Đ thuộc địa bàn phường L, tỉnh Ninh Bình. Sau đó, H thông báo để anh T và chị Hồng A chuẩn bị tiền cùng H góp vốn qua các tài khoản H cung cấp. Để anh T tin tưởng hơn, H tự tạo lập tài khoản Facebook có tên “Ánh Tuyết D1” nhắn tin, trao đổi liên lạc với anh T về việc kinh doanh bánh trung thu; tự soạn thảo các hóa đơn có ghi nội dung

mua bán sản phẩm về số lượng, giá cả, số tiền theo mẫu hóa đơn của Công ty T6; sau đó, in chụp gửi cho anh T theo dõi việc kinh doanh. Để chị Hồng A tin tưởng, H nói anh Dương Văn T là người cung cấp bên cung cấp bánh trung thu và cung cấp thông tin, tài khoản facebook của anh T cho chị Hồng A liên lạc trực tiếp đặt mua bánh trung thu.

Tin tưởng thông tin H đưa ra là thật nên trong thời gian từ tháng 8 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024, anh T đã chuyển cho H 1.333.040.000 đồng; chị Hồng A chuyển cho H 678.142.000 đồng. Mỗi lần nhận được tiền góp vốn, H không kinh doanh bánh trung thu mà sử dụng một phần chuyển lại cho anh T và chị Hồng A (tổng số tiền H chuyển lại cho anh T là 456.400.000 đồng, cho chị Hồng A là 604.300.000 đồng). Số tiền còn lại, H chiếm đoạt để sử dụng cá nhân (trong đó của anh T 826.640.000 đồng; của chị Hồng A 73.542.000 đồng).

Hành vi nêu trên của Trần Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình truy tố Trần Thị Thu H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản (tiền) của những người bị hại được pháp luật bảo vệ; bản thân bị cáo biết rõ hành vi gian dối, lợi dụng lòng tin nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với động cơ tư lợi cá nhân, ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại trực tiếp về tài sản của người bị hại, gây dư luận xấu trong xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị Thu H có nhân thân xấu, ngày 16 tháng 5 năm 2025 bị Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ) xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tuy nhiên, hành vi phạm tội lần này bị cáo thực hiện có trước khi bị xét xử (năm 2025) nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm”. Trong vụ án này, bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bản thân bị cáo có bệnh hạn chế khả năng nhận thức và tại bản án số 30/2025/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ) đã xác định hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt

[4.1] Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và nhất là trong thời gian gần đây tệ nạn lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác ngày một gia tăng. Bản thân bị cáo nhiều lần phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có

tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung; đồng thời, tổng hợp hình phạt 30 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình) và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Hình phạt bổ sung, mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo có tính vụ lợi; tuy nhiên, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải trả lại cho anh Dương Văn T toàn bộ số tiền 826.640.000 đồng và trả cho chị Đào Thị Hồng A toàn bộ số tiền 73.542.000 đồng theo quy định.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 48; Điều 50; Điều 38 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Các Điều 106; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp hình phạt 30 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 11 năm 2024.

Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo Trần Thị Thu H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho anh Dương Văn T số tiền 826.640.000 đồng (tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) và trả lại cho chị Đào Thị Hồng A số tiền 73.542.000 đồng (bảy mươi ba triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 39.005.000 đồng (ba mươi chín triệu không trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Trại tạm giam số 2 tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GDKTTT & THA Tòa án tỉnh;
- UBND phường Phú Lý, tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Những người bị hại;
- Bộ phận HC-TP;
- Tòa Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đức Thủy